

Bản án số: 23/2020/HSST

Ngày: 28/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đức

* Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Vũ và ông Nguyễn Đức Bường.

* **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 27/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXX-ST ngày 15/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn Q;** Sinh ngày 26/6/1977 tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị M; có 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn R;** Tên gọi khác: Nguyễn Văn C; Sinh ngày 07/8/1989 tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau

đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Nguyễn Quý N**; Sinh ngày 02/9/1994 tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Quý H (đã chết) và bà Nguyễn Thị G; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Nguyễn Hữu Th**; Sinh ngày 05/9/1997 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị M có vợ là Phạm Thị Ng; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo **Nguyễn Văn Đ**; Sinh ngày 09/5/1982 tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Đông Đ và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Đặng Thị H. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo **Nguyễn Văn Tr**; Sinh ngày 31/7/1986 tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Tiền án: Không; Nhân thân: Tháng 10/2007 đến tháng 08/2009 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 3 trung đoàn 2 Sư đoàn 395 quân khu 3; bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo **Nguyễn Thanh Đ** Sinh ngày 02/3/1990 tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề

nghề: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Tuyết Th; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 9/2009 đến tháng 01/2011 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 97 Bộ tư lệnh pháo binh; bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo **Nguyễn Công M**; Sinh ngày 23/4/1970 tại xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M; Có vợ là Lê Thị D. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 9/1990 đến tháng 01/1993 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 4 Lữ đoàn 40; bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

- Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1968; (Có mặt tại phiên tòa);
Trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

*** Người chứng kiến:**

- Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1962; (Vắng mặt tại phiên tòa);
- Ông Bùi Duy L, sinh năm 1962; (Vắng mặt tại phiên tòa);

Đều trú tại: Thôn B, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 ngày 05/02/2020, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hữu Th đều trú tại thôn B xã Q huyện K; Nguyễn Thanh Đ trú tại thôn Đ, xã Q và Phạm Quốc H trú tại thôn L, xã Q, huyện K rủ nhau đến nhà Nguyễn Công M trú tại thôn B xã Q huyện K để đánh bạc. Khi đến gặp M, Q nói với M về việc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà M, được M đồng ý nên các đối tượng ngồi xuống chiếu đã trải sẵn trong nhà để xe của nhà M để đánh bạc; Thùy lấy bộ bài tú lơ khơ ở máy giặt nhà M cầm xuống chiếu để đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ 45 cùng ngày, Nguyễn Văn R (C) trú tại thôn Đ xã Q huyện K cùng tham gia chơi. Trong lúc đánh bạc, Th điện thoại gọi cho Nguyễn Văn N ở thôn Đ xã Q huyện K đến tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày bị Công an huyện Kiến Xương bắt quả tang, Phạm Quốc H trốn thoát trong lúc đang kiểm tra. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 4.070.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; thu trên người

các đối tượng 15.000.000 đồng, trong đó: Nguyễn Văn Tr số tiền 1.200.000 đồng; Nguyễn Quý N số tiền 800.000 đồng. Nguyễn Văn R (C) số tiền 13.000.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

- Bị cáo Nguyễn Công M đồng ý cho các đối tượng đến đánh bạc tại nhà M vào trưa ngày 05/02/2020. M không tham gia đánh bạc, không được các bị cáo cho bất cứ thứ gì, không thu tiền của các bị cáo.
- Bị cáo Nguyễn Quý N sử dụng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc;
- Bị cáo Nguyễn Văn Q sử dụng số tiền 950.000 đồng để đánh bạc;
- Bị cáo Nguyễn Hữu Th sử dụng số tiền 850.000 đồng để đánh bạc;
- Bị cáo Nguyễn Văn Tr và bị cáo Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc;
- Bị cáo Nguyễn Thanh Đ sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc.
- Bị cáo Nguyễn Văn R (C) sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc; số tiền 13.000.000 đồng thu trên người Nguyễn Văn R không dùng đánh bạc mà số tiền trên do chị Phạm Thị Th sinh năm 1968 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện K (cô ruột của R) gửi mua vật tư sửa nhà nên Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn R (C), Nguyễn Quý N, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 05/02/2020, tại nhà ở của Nguyễn Công M sinh năm 1972 trú tại thôn xã Q huyện .
- Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Công an huyện K lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 05/02/2020; Đơn xin đầu thú của Nguyễn Công M.
- Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Th sinh năm 1968 trú tại thôn Đ xã Q huyện K.
- Lời khai của người chứng kiến: Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1962 (bút lục từ số 202 -203 và 237-238); ông Bùi Văn L sinh năm 1962 đều trú tại thôn B xã Q huyện K.
- Cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ như phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Phiếu tra cứu xe máy vật chứng; Biên bản xác minh nguồn gốc xe mô tô biển số 29 M9-751.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKSKX ngày 22/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn R (C), Nguyễn Quý N, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Văn Đ,

Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này còn có bị can Phạm Quốc H sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra công an huyện Kiến Xương đã ra Quyết định truy nã. Đến nay đã hết hạn điều tra chưa bắt được bị can nên đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 06/4/2020; Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án; Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can khi nào bắt được bị can sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 29 M9-751 được xác định của Phạm Văn H không phải là vật chứng, do vậy cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điều luật và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn R (C) từ 09(chín) tháng đến 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 đến 24 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

+ Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Quý N, Nguyễn Hữu Th; từ 06(sáu) tháng đến 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 đến 18 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

+ Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (06 ngày x 3 = 18 ngày).

+ Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi thời gian đã bị tạm giữ (06 ngày x 3 = 18 ngày).

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M do các bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Đề nghị không phạt bổ sung đối với; các bị cáo Nguyễn Văn Q; Nguyễn Văn R (C); Nguyễn Quý N; Nguyễn Hữu Th do các bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị hội đồng xét xử: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.070.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 00 đến 14 giờ 30 phút ngày 05/02/2020, tại nơi ở của Nguyễn Công M sinh năm 1970 thuộc thôn B xã Q huyện K tỉnh Thái Bình các bị cáo: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn R (C), Nguyễn Quý N Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng với tổng số tiền là 6.070.000 đồng. Riêng bị cáo Nguyễn Công M là chủ nhà khi bắt không có mặt tại nhà, không tham gia đánh bạc và cũng không được hưởng lợi gì từ việc cho các bị cáo đánh bạc tại nơi ở của mình, nhưng trước đó bị can M biết rõ các bị cáo trên đánh bạc, cho các bị cáo sử dụng nơi ở của mình để đánh bạc. Vì vậy bị cáo M đồng phạm với các bị cáo trên về tội Đánh bạc.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố trong bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì tệ nạn cờ bạc không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh tại địa phương mà còn là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như: tiêu tốn tài sản, tan vỡ hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do

mình thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc - Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ còn được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự (vì bị cáo Tr và bị cáo Đ có thời gian tham gia phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam).

Bị cáo Nguyễn Công M còn được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự (vì bị cáo Nguyễn Công M có thời gian tham gia phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam và bị cáo đầu thú).

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Hành vi phạm tội "Đánh bạc" của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, có vai trò ngang nhau. Riêng bị cáo Nguyễn Công M không trực tiếp chơi đánh bạc nhưng đã cung cấp công cụ phạm tội, cho mượn địa điểm để các bị cáo khác chơi đánh bạc nên bị cáo M giữ vai trò giúp sức.

[6] Áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc đối với từng bị cáo về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên các bị cáo đều là người lao động thuần túy, phạm tội lần đầu, trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Q tích cực hơn so với các bị cáo khác, bị cáo R dùng số tiền chơi nhiều nhất cần phải áp dụng mức án ngang nhau và cao hơn so với các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo Nguyễn Quý N sử dụng số tiền chơi bạc nhiều hơn Nguyễn Hữu Th, nhưng bị cáo Th là người rủ rê bị cáo N nên cần phải áp dụng mức án ngang nhau.

Do các bị cáo Q, R, N, Th phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, nên áp dụng hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú và miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng có thể cải tạo trở thành người lương thiện. Thời gian các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M đã bị tạm giữ là 06 ngày được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 18 ngày (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo vì lao động tự do, thu nhập không ổn định.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Cần tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Đối với số tiền 6.070.000đ(sáu triệu, không trăm, bảy mươi nghìn đồng) đang được quản lý tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thì cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn R (C), Nguyễn Quý N, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M phạm tội "Đánh bạc".

II. Hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 10(mười) tháng

tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 20 (hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

2. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R (C) 10(mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 20 (hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

3. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quý N 07(bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 14(mười bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

4. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Th 07(bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 14(mười bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 không phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn Quyên, Nguyễn Văn R (C), Nguyễn Quý N , Nguyễn Hữu Th .

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn Q , Nguyễn Văn R (C), Nguyễn Quý N , Nguyễn Hữu Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành là 08(tám) tháng 12(mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

6. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 07(bảy) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành là 06(sáu) tháng 12(mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ

tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

7. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Đ 07(bảy) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành là 06(sáu) tháng 12(mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

8. Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17; điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M 06(sáu) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành là 05(năm) tháng 12(mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ , Nguyễn Văn Tr , Nguyễn Thanh Đ , Nguyễn Công M .

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ , Nguyễn Văn Tr , Nguyễn Thanh Đ , Nguyễn Công M cho Ủy ban nhân dân xã Q , huyện K , tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

III. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.070.000 đ(sáu triệu, không trăm, bảy mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

(Số vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình).

IV. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn R (C), Nguyễn Quý N, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Công M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

V. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND & CA huyện KX;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Minh Đức